

產品編號劑名稱 Tên và mã số sản phẩm	特性與用途 Đặc tính và công dụng	溶液組成及操作條件 Thành phần dung dịch và điều kiện thao tác
冷脫劑 Tẩy dầu lạnh	◆溶劑型無需加溫,直接泡水即可使用,方便快捷. Dạng dung dịch không cần tăng nhiệt, trực tiếp nhúng vào nước là có thể sử dụng, nhanh và đơn giản	鋅合金鍍件建浴比例: Tỷ lệ xây dựng bể mạ xi hợp kim kẽm 脫油劑 質 tẩy dầu: 水 nước=1:8-10 鐵素材鍍件建浴比例: 脫油:鹽酸:水=1:3:6
	◆針對產品的機械油,礦物油太古油能有效迅速	脫油劑 質 tẩy: 水 nước=1:8-10
	清洗乾淨 Căn cứ vào dầu máy, dầu khoáng chất, dầu đỏ Thổ Nhĩ Kỳ có thể tẩy rửa sạch sẽ	鋅合金鍍件建浴比例: Tỷ lệ xây dựng bể mạ xi hợp kim kẽm 脫油劑 質 tẩy dầu: 水 nước=1:8-10 鐵素材鍍件建浴比例: Tỷ lệ xây dựng bể mạ chất liệu sắt 脫油::鹽酸 Tẩy dầu hydrochloric acid: 水nước=1:3:6
	◆可以和鹽酸、苛性鈉合併使用 Có thể dùng cùng với hydrochloric acid và Natri hydroxit	脫油鹽酸 Tẩy dầu hydrochloric acid: 水nước=1:3:6
	◆亦可使用於鋁合金、鋅合金脫脂 Cũng có thể dùng cho hợp kim nhôm, hợp kim kẽm	
熱脫脂559A tẩy dầu nóng 559A	◆適用於鋼鐵、不銹鋼等金屬;對動植物油、礦物甚至金屬加工油,防銹油及拋光臘有優異效果	濃度 Nồng độ: 60-90 g/L
	Dùng cho sắt thép, thép không rỉ và các loại hợp kim khác; có tác dụng đặc biệt với dầu động thực vật, dầu gia công khoáng vật thậm chí là dầu gia công kim loại, dầu chống rỉ, dầu đánh bóng khoáng chất	
	◆優越的油污乳化分散性,避免油污再附著,具有良好熱安定性,使用壽命長 có tính phân tán vết mỡ ưu việt, tránh bị vết dầu, có tính an toàn cao, thời gian sử dụng lâu dài	溫度 Nhiệt độ: 50-90°C
	◆所含表面活性劑,耐酸鹼度高; 未能充分水洗帶入的強酸亦不會產生問題 Chất hoạt tính bề mặt nhưng độ chịu bazơ cao, nếu có thể rửa bằng nước có tính axit mạnh cũng vẫn đảm bảo.	時間 Thời gian: 5-10分鐘
	◆微顆粒狀產品,不揚塵,不結塊,使用方便	
	用於電鍍,珐瑯,塗裝之前處理,一般金屬除油 Sản phẩm dạng hạt nhỏ, không gây bụi, không kết hạt, sử dụng tiện lợi, dùng ở tiền xử lý mạ điện, tráng men, sơn, để tẩy mỡ (dầu) các kim loại thường.	
	◆適用於銅,銅合金,鋅合金等金屬,對動植物油,礦物油,金屬加工油,防銹油等均有優異的效果 Dùng cho đồng, hợp kim đồng, hợp kim kẽm... Với các loại dầu động thực vật, dầu khoáng chất, dầu gia công kim loại, dầu chống gỉ v.v... đều có tác dụng ưu việt	
		溫度Nhiệt độ: 50-70°C

系統用油粉 101 Bột tẩy bột 101	◆優異的油污乳化效果,超強的分散力,,使用週期長 có hiệu quả chống dính vết dầu cao, có khả năng phân tán mạnh, thời gian sử dụng dài lâu	濃度 Nồng độ : 60-90 g/L
	◆顆粒狀產品,不揚塵,不結塊,使用方便 Sản phẩm dạng hạt, không gây bụi, không kết hạt, sử dụng tiện lợi	時間 Thời gian : 5-10分鐘
黑城除油王	◆本產品是針對重油污開發的一種強力除油粉,環保,氣味清香,不傷基材。	濃度 Nồng độ: 60-90 g/L
	◆針對頑固重油污具有快速脫離清潔並且油污快速被溶劑的效果。	溫度 Nhiệt độ: 60-80°C
	◆優異的油污乳化效果,超強的分散力,,使用週期長	濃度 Nồng độ: 60-90 g/L 時間 Thời gian: 5-10分鐘
超音波脫脂粉 Tẩy dầu siêu âm	◆適用於鋼鐵件,銅,銅合金,鋅,鋅合金等產品的表	
		濃度 Nồng độ : 10-40 g/L
		時間 Thời gian : 5-10分鐘
除臘水 Chất bỏ lạp	◆適用於鋼鐵件,銅,銅合金,鋅,鋅合金件拋光蠟的	溫度 Nhiệt độ : 50-90°C
	快速根除.固化臘的溶解,並有一定的除油功效 Thích hợp sử dụng cho việc loại bỏ nhanh sáp đánh bóng cho linh kiện sắt thép, đồng, hợp kim đồng, kẽm, hợp kim kẽm. Hòa tan các sáp dính chặt, đồng thời có công hiệu nhất định trong việc loại bỏ dầu mỡ	濃度 Nồng độ : 30-50 ml/L
	◆高濃度粘稠液體,使用成本低廉 Các dung dịch bám bẩn nồng độ cao, giá thành sử dụng rẻ	時間 Thời gian : 5-10分鐘
除鏽劑 Chất tẩy sét	◆適用於鋼鐵件表面的鏽垢,氧化皮,焊點的清潔處	溫度 Nhiệt độ : 常溫 nhiệt độ bình thường
	面處理,並具有一定的除油功能. Phù hợp xử lý bề mặt các vết gỉ, oxy hóa, vết hàn trên sắt thép, đồng thời có tác dụng khử dầu mỡ nhất định	濃度 Nồng độ : 除鏽劑 chất tẩy gỉ 80-120 g/L
	◆用量少,成本低 Lượng dùng ít, giá thành rẻ	硫酸 Acid sunfuric 150-320 g/L 時間 Thời gian : 5-10分鐘 phút
酸霧抑制劑 Chất ức chế acid	◆針對酸性除油,酸電解的刺鼻味道及酸霧的溢出有顯著功效,改善作業環境. Tác dụng rõ rệt căn cứ theo tính khử dầu của acid, kích thích mùi của chất điện giải acid và chất xử khoáng acid, cải thiện môi trường	溫度 Nhiệt độ : 0-80°C
	◆用量少,泡面適中,有效延遲酸的使用壽命. Lượng dùng ít, thích ứng dùng trên bề mặt, hữu hiệu cho việc kéo dài tuổi thọ sử dụng của acid.	濃度 Nồng độ : 0.5-1 g/L
	◆適用於鋼鐵件等金屬表面嚴重油污的去除 Có tác dụng loại bỏ các vết dầu mỡ nghiêm trọng trên bề mặt	溫度 Nhiệt độ : 50-90°C
	◆適用於浸泡方式除油 Thích ứng với việc loại bỏ dầu mỡ với phương pháp ngâm.	濃度 Nồng độ : 熱脫 60-90g/L

高效強力脫脂粉 KHD-308 Bột tẩy dầu điện giải KHD-308	◆適用於陰電解及陽電解除油。 Thích ứng với việc loại bỏ dầu mỡ trong cực âm và cực dương điện giải.	電解 Điện giải 50-60g/l
	◆適用於初段及終端電解除油 Thích ứng với việc loại bỏ dầu mỡ ở giai đoạn đầu và giai đoạn cuối điện giải	時間 Thời gian : 陽電解 Điện giải dương 1-3分鐘 phút 陰電解 điện giải âm 3-10分鐘 phút
初段電解脫脂粉 KDH-208 Bột tẩy dầu điện giải KDH - 208	◆超強的導電性能,顯卓的除油效果 Có tác dụng dẫn điện mạnh, tác dụng loại bỏ dầu mỡ vượt trội	濃度 Nồng độ : 50-60g/L
	◆通常用於鋼鐵件油污的中間環節再處理 Thông thường sử dụng trong việc tái xử lý giữa giai đoạn cho các linh kiện sắt thép bị dính dầu mỡ ◆除油後的產品白而略帶金屬光澤. Sản phẩm sau khi khử dầu mỡ trắng và có kèm chút bóng loáng của kim loại	溫度 Nhiệt độ : 50-70°C 時間 Thời gian : 陽電解 Điện giải dương 1-3分鐘 phút
	◆使用週期長,成本低. Thời gian sử dụng dài, giá thành thấp	陰電解 điện giải âm 3-10分鐘 phút
終端電解脫脂粉 Tẩy dầu điện giải B-01	◆高導電性,強力去汙除油. Có tác dụng dẫn điện cao, có khả năng loại vết ố dầu mỡ mạnh	溫度 Nhiệt độ : 50-70°C
	◆去除鋼鐵件管狀內部油污顯著 Có tác dụng cao trong việc tẩy dầu mỡ phía bên trong các linh kiện sắt thép dạng ống ◆適用於鋼鐵件末端電解使用 Thích hợp sử dụng trong điện giải giai đoạn cuối các linh kiện sắt thép ◆泡沫適中,使用週期長,便於管理. Bột vừa phải, thời hạn sử dụng dài, dễ quản lý	濃度 Nồng độ : 50-60g/L 時間 Thời gian : 陽電解 Điện giải dương 1-3分鐘 phút 陰電解 điện giải âm 3-10分鐘 phút
白化劑 Chất làm trắng	◆針對鋅壓鑄件鍍前的白化處理,增加鍍層與基材的結合力. Căn cứ theo việc xử lý làm trắng trước khi xi mạ với linh kiện kẽm đúc chết, tăng thêm độ kết dính giữa vật liệu gốc và lớp mạ xi	白化劑 Chất làm trắng : 60-100g/l 氰化鈉 Natri xyanua:50-60g/l
	◆白化速度快,均勻度好. Tốc độ làm trắng nhanh, đều, đẹp	時間 Thời gian : 10S-60S
	◆操作簡單,浸泡即可. Thao tác đơn giản, chỉ cần ngâm là được	
活化酸鹽 Muối hoạt tính	◆適用於鋅合金,銅,鋼鐵,等金屬等電鍍表面活化	溫度 Nhiệt độ : 常溫 nhiệt độ bình thường
	Sử dụng cho việc hoạt hóa bề mặt điện giải của hợp kim kẽm đồng sắt thép nhôm và hợp kim nhôm	濃度 Nồng độ : 10-30g/L
	◆去除鍍件表層氧化皮,,增加鍍層結合力. Loại bỏ lớp oxy hóa bề mặt của linh kiện mạ xi, tăng cường độ kết dính của lớp mạ xi	時間 Thời gian : 10S-60S
化學鋅鎳液 Chất thấm kẽm	◆適用於鋁材.鋁合金鍍前的表面處理. Thích hợp với việc xử lý bề mặt trước khi xi mạ chất liệu nhôm, hợp kim nhôm	濃度 nồng độ : 1:1-1:2(體積比 tỉ lệ thể tích) 溫度 Nhiệt độ : 18-25°C
	◆能在鋁材及鋁合金表層置換上緻密均勻的金屬膜. Có thể thêm màng kim loại đều và dày trên bề mặt hợp kim nhôm và nhôm	
	◆處理後的產品可直接鍍銅或者直接鍍鎳,亦可直接	

滾鍍鎳及滾鍍銅,結合力好,不脫皮,不起泡. Các sản phẩm sau xử lý có thể trực tiếp kết dính đồng, kẽm, cũng có thể mạ lẫn kẽm, mạ lẫn đồng, độ kết dính tốt, không bóc vảy, không bị nổi bọt

時間 thời gian : 10S-60S

過濾:需要迴圈過濾